

Trắc lượng thư mục và vai trò của Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc đánh giá, xếp hạng kết quả nghiên cứu khoa học(*)

Nguyễn Huy Chương(**)

Đỗ Trung Tuấn(***)

Tóm tắt: Nhận thức được vai trò của trắc lượng thư mục và thực hiện đánh giá theo các chỉ số, Đại học Quốc gia Hà Nội đã có nhiều hoạt động liên quan đến trắc lượng thư mục. Bài viết này nhằm nêu một tiếp cận đánh giá các công trình khoa học trong Đại học Quốc gia Hà Nội, đáp ứng tính đa dạng của các lĩnh vực nghiên cứu trong đơn vị. Việc đánh giá này có ý nghĩa trong đánh giá, xếp hạng các hoạt động nghiên cứu của cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu, và đối với xếp hạng tổ chức đào tạo trong hệ thống đánh giá, xếp hạng các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam.

Từ khóa: Đại học Quốc gia Hà Nội, VNU, Trung tâm Thông tin - Thư viện, LIC, Trắc lượng thư mục, Đánh giá, Xếp hạng, Kết quả nghiên cứu

1. Giới thiệu(*)(*)(*)

Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU) là đại học đa ngành, đa lĩnh vực, được thành lập năm 1993. Tiền thân của VNU là Đại học Đông Dương, được thành lập năm 1906. Hiện có 7 trường đại học trong VNU, trong đó Trường đại học Khoa học tự nhiên và Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn có truyền thống nhiều năm.

Trung tâm Thông tin - Thư viện (LIC)

(*) Bài viết được thực hiện khi tiến hành đề tài nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội.

(**) TS., Khoa Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: chuongnh@vnu.edu.vn.

(***) PGS.TS., Trường Đại học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

là tổ chức phục vụ trong VNU, có nhiệm vụ tổ chức và cung cấp thông tin, tư liệu cho quá trình học tập, nghiên cứu của cán bộ và sinh viên của VNU.

VNU đã triển khai cơ sở dữ liệu về công trình nghiên cứu khoa học và xây dựng hệ thống chỉ số trích dẫn khoa học. Cơ sở dữ liệu cần sử dụng thông tin từ LIC, tổng hợp các kết quả nghiên cứu và đào tạo của cán bộ và sinh viên của VNU. Vấn đề đặt ra là sử dụng công thức đánh giá chung cho nhiều ngành nghiên cứu trong VNU, đảm bảo mức công bằng tương đối đối với các công trình nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khác nhau. Việc này sẽ thuận tiện cho việc tích hợp dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về trích dẫn.

2. Tiềm lực tại VNU

Công tác nghiên cứu khoa học trong VNU gồm (i) chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học; (ii) quỹ phát triển khoa học và công nghệ; (iii) các sản phẩm khoa học và công nghệ, dưới dạng các ấn phẩm, sở hữu trí tuệ, sản phẩm công nghệ.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học của VNU được thể hiện qua bảng dưới.

Về lựa chọn và xác định các chỉ số phản ánh công bố khoa học, chúng tôi theo tiếp cận của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước. Các công bố có thể được phản ánh qua một số tham số. Các nhận định đã được ủng hộ của GS. Nguyễn Hữu Đức, Phó Giám đốc VNU và GS. Nguyễn Duy Hiền, chuyên gia vật lý hạt nhân.

Một số nhận xét chỉ số:

- Mã số ISSN cho tạp chí và mã số ISBN cho sách. Khi đã có chỉ số ISSN, thì tạp chí sẽ được quốc tế thừa nhận chính thức và giới thiệu trên quy mô toàn cầu. Nhưng ISSN không liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu, bản quyền hoặc bảo vệ nhan đề của xuất bản phẩm nhiều kỳ với các nhà xuất bản khác. Khác với sự xét chọn và phân loại theo chất lượng tạp chí khoa học của Viện Thông tin khoa học (ISI), Mỹ hoặc Scopus của Nhà xuất bản Elsevier, chỉ số ISSN của một tạp chí không liên quan đến chất lượng khoa học của các bài báo được đăng ở trong đó.

- Phân loại ISI. Viện Thông tin khoa học (ISI), Mỹ đã xét chọn chất lượng của các tạp chí trên thế giới một cách khắt khe và kỹ lưỡng để đưa vào cơ sở dữ liệu của họ. Mặc dù vẫn còn có những ý kiến chưa thống nhất,

Ngành/Chuyên ngành	Chức danh khoa học		Trình độ chuyên môn	
	GS	PGS	TSKH và TS	ThS
Tổng cộng	51	336	881	1.340
Trong đó				
• Toán Cơ	8	24	68	49
• Vật lý, Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano	9	33	76	50
• Hóa và Dược học	3	28	77	44
• Sinh học và Y sinh	2	24	65	66
• Khoa học Trái Đất và Môi trường	7	49	102	108
• Công nghệ Thông tin	2	10	40	59
• Điện tử Viễn thông và Tự động hóa	0	8	23	20
• Khoa học Xã hội và Nhân văn	8	98	212	250
• Ngôn ngữ và Quốc tế học	3	28	98	405
• Kinh tế	1	23	74	160
• Luật học	5	10	28	42
• Giáo dục và Quản lý giáo dục	3	1	18	87

Nguồn: <http://www.vnu.edu.vn/home/?C2494>

nhưng ISI vẫn là một trong rất ít cách phân loại được thừa nhận và sử dụng rộng rãi khi bàn luận về chất lượng khoa học của các công trình nghiên cứu. Liên Hợp Quốc, các chính phủ và các tổ chức quốc tế thường sử dụng thống kê của ISI trong quản lý và hoạch định các chính sách khoa học, kỹ thuật. Các thống kê và đánh giá về khoa học, công nghệ và kỹ thuật nếu không theo ISI thì bị lệch so với thống kê quốc tế.

- *Phân loại Scopus.* Bên cạnh phân loại ISI, nhiều tổ chức xếp hạng thế giới, ví dụ như Tổ chức xếp hạng các cơ sở nghiên cứu khoa học SCIMAGO, Tổ chức xếp hạng đại học... còn sử dụng cơ sở dữ liệu từ nguồn Scopus của Elsevier. Để được liệt kê vào danh sách Scopus, các tạp chí cũng được lựa chọn nghiêm ngặt. Các số liệu của Scopus đã được SCIMAGO sử dụng để đánh giá, xếp hạng các tạp chí khoa học và các cơ sở nghiên cứu khoa học. Theo số liệu đó, trong số hơn 2.800 cơ sở nghiên cứu mạnh ở trên thế giới, Việt Nam đã có tên 3 đơn vị: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và VNU.

- *Chỉ số H và IF.* Khi xếp hạng (tương đối chính xác) các tạp chí khoa học trên thế giới, người ta thường dựa vào các chỉ số đo chất lượng khoa học của tạp chí, ví dụ chỉ số ảnh hưởng IF (Impact Factor) và chỉ số H (H-index). “Rất khó đánh giá chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học, vì cộng đồng khoa học vẫn chưa nhất trí một chuẩn mực thống nhất cho tất cả các lĩnh vực nghiên cứu” (Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước, <http://vsl.vnu.edu.vn/...>). Tuy nhiên, hai chỉ số (có quan hệ với nhau) thường được sử dụng để ước định chất lượng của một công trình nghiên cứu khoa học là chỉ số ảnh hưởng và số lần trích dẫn.

Đầu năm 2017, Trường Đại học Khoa học tự nhiên thuộc VNU đã kết thúc đợt kiểm định chất lượng giáo dục cấp trường theo tiêu chuẩn Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA). Họ đã sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học của AUN bao gồm 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí được phân thành 4 nhóm là: Đảm bảo chất lượng chiến lược (Strategic QA), đảm bảo chất lượng hệ thống (Systemic QA), đảm bảo chiến lược thực thi (Functional QA), và kết quả (Results).

3. Đề xuất chỉ số phản ánh công bố khoa học đối với VNU

Với nhiều hoạt động đa dạng, trên nhiều lĩnh vực, VNU sử dụng chung một đánh giá các công bố là việc không hiện thực. Một bài báo của ngành khoa học tự nhiên khác với bài của ngành xã hội và nhân văn.

Do vậy chúng tôi đề xuất:

- Hoặc mỗi chuyên ngành sử dụng hệ thống đánh giá đang sử dụng, phù hợp với cách đánh giá của các tổ chức quốc tế. Trường hợp này, tham chiếu đến cách đánh giá của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước là cần thiết;

- Hoặc xây dựng công thức đánh giá chung cho mọi bài báo của các hoạt động trong VNU.

Đối với cả hai tiếp cận, uy tín của tạp chí công bố luôn là vấn đề cần cân nhắc. Thực tế cho thấy khó khăn của công bố quốc tế trên các tạp chí khác nhau là không như nhau. Do vậy nỗ lực đăng công bố trên các tạp chí uy tín cần được ghi nhận.

Với những nhận xét về tình hình chung tại Việt nam, dựa vào các hoạt động chính của VNU, chúng tôi đề xuất đánh giá cho công bố khoa học tại VNU theo:

$$X = a * (b * H + c * IF * d).$$

Trong đó:

- X là chỉ số đánh giá đối với công bố khoa học Y ;
- a là hệ số ảnh hưởng của phân loại uy tín của các tạp chí. Hệ số này là số nguyên dương, có giá trị $1..10$. Như vậy nếu tạp chí công bố của Y thuộc diện tạp chí ISI, hệ số a là cao;
- b là hệ số cân đối của đánh giá chỉ số H đối với công bố Y . Hệ số b là số thực lấy giá trị trong khoảng $(0, 1)$. Hệ số này được xác định theo từng chuyên ngành, chẳng hạn ngành Sinh học thường sử dụng chỉ số H , có thể lấy $b = 0.95$ và lấy chỉ số tác động $c = 1 - b = 0.05$;
- c là hệ số cân đối đánh giá theo IF. Tương tự như b , c nhận giá trị trong khoảng $(0, 1)$. Ở đây $c = 1 - b$;
- d là hệ số điều chỉnh thang độ của đánh giá theo chỉ số H và đánh giá theo chỉ số tác động IF.

Như vậy mỗi chuyên ngành của các hoạt động khoa học trong VNU cần có bộ (a, b, c, d) của riêng mình.

Nhận xét về đề xuất này:

- Tiếp cận đánh giá chung bằng một công thức cho phép so sánh các công bố khác nhau trong VNU;
- Mỗi chuyên ngành có bộ tham số (a, b, c, d) . Các hệ số này được xác định theo ý kiến chuyên gia;
- Công thức chung cho phép sử dụng cả đánh giá theo chỉ số H lẫn chỉ số tác động IF.

4. Vai trò của LIC

Dựa trên đánh giá và các công việc liên quan mà LIC đang tham gia, cần thực hiện một số cách thức mà các thư viện nghiên cứu có thể hỗ trợ các quy trình đánh giá nghiên cứu. Đề xuất cụ thể như sau:

- *LIC nên cung cấp kiến thức về các chuẩn mực và thông lệ trong kết quả nghiên*

cứu cho các tổ chức của VNU. Mỗi ngành có kho mẫu dữ liệu đặc trưng riêng bao gồm các bài luận văn, chuyên khảo, tài liệu nghiên cứu, báo cáo hội thảo và tạp chí chuyên ngành.

- *LIC nên tìm cách duy trì môi trường trong đó các ngành có thể phát triển trong phạm vi các ràng buộc quy định pháp luật.* Một sự cân bằng cần phải được đánh giá giữa nghiên cứu cho tiến trình xử lý chuyên ngành và nghiên cứu để phát triển kinh tế quốc gia.

- *LIC cần quản lý dữ liệu kết quả nghiên cứu ở quy mô quốc gia và quốc tế.* Trong khi hệ thống đánh giá nghiên cứu yêu cầu dữ liệu từ nhiều bên tham gia khác (ví dụ, cấp dữ liệu tài chính, số lượng sinh viên...), LIC nên giữ vai trò quản lý các hệ thống này.

- *LIC phải chịu trách nhiệm hỗ trợ tìm kiếm hiệu quả các kho lưu giữ kết quả nghiên cứu.* Làm việc cả trong các tổ chức của LIC và hợp tác với bên ngoài, LIC nên đóng một vai trò hàng đầu trong việc phát triển và duy trì các thiết bị lưu trữ dữ liệu, cho các ngành nghiên cứu khác nhau trong VNU, theo các mức độ của mạng thông tin;

- *LIC nên cung cấp các giải pháp tính toán, đo lường thư mục.* Đề xuất một số cách thức đánh giá nghiên cứu kết hợp với các biện pháp trắc lượng thư mục phù hợp.

- *LIC phải cung cấp bằng chứng sử dụng.* Cần xem xét làm thế nào LIC có thể cung cấp nhiều dữ liệu hơn cho quá trình đánh giá để có thể giúp hệ thống đánh giá trở nên khách quan hơn. Thư viện số có thể được sử dụng trong chế độ đánh giá (ví dụ, trong các lĩnh vực quản trị, lưu thông tài nguyên thông tin).

- *LIC nên có đặc quyền riêng.* LIC cần chủ động đề ra nhiệm vụ và giải pháp đối với việc đánh giá kết quả nghiên cứu tại VNU □

(xem tiếp trang 51)